

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2023

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Nguyễn Văn Đoàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2023, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX-ST ngày 06/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Anh Th hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 2 - Trại giam Hoàng Tiên, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(Chị M, anh Th đều xin vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương năm 2013. Trong thời gian hai năm đầu sau kết hôn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh Th thường hay đánh đập chị, thậm chí cả khi chị mang thai. Anh Th hiện đang phải chấp hành án phạt tù thời hạn 14 năm, thời gian còn phải chấp hành án 6 năm nữa. Nay chị xác định cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu anh Th có về thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ

chung sống vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Th có một con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014. Cháu A đang ở cùng chị, chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị là công nhân, thu nhập bình quân khoảng 9-10 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Th không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, anh Th trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị M trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bản tự khai ngày 24/3/2023, anh khai anh còn yêu thương chị M và vì con, anh không đồng ý ly hôn chị M. Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2023, anh Th xác định anh đi tù thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị M.

Về quan hệ con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014. Cháu A đang ở cùng chị M, anh đồng ý để chị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th; chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Anh Th xin được vắng mặt tại phiên tòa; anh đồng ý ly hôn chị M; anh đồng ý để chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh Th. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014 cho chị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Th đều xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M và anh Th là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Bản thân anh Th cũng xác định vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ lâu, do anh phải đi tù nhiều năm, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị M. Qua lời khai của bà Vũ Thị Chín là mẹ đẻ anh Th, bà Chín khai khi đến thăm anh Th trong tù, anh Th nói “Giữ người ở lại chứ không giữ người đi nên tùy chị M”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị M và anh Th có một con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014. Cháu A đang ở cùng chị M. Chị M xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A, anh Th đồng ý để chị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và anh muốn nếu chị M kết hôn với người khác trước khi anh ra tù thì giao cháu A cho mẹ anh nuôi giúp và anh sẽ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

Xét việc chị M xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, anh Th tự nguyện để chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A; cháu A cũng có nguyện vọng xin được ở cùng chị M. Vì vậy, để đảm bảo ổn định việc học tập, vui chơi và phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của cháu

A và nguyện vọng của các đương sự cũng như của cháu A, Tòa án giao cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu A là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị M và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân & gia đình và không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

3/ Về quan hệ con chung: Chị M và anh Th có một con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014. Cháu A đang ở cùng chị M. Giao cho chị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 27/3/2014 đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2021/000 3002 ngày 17 tháng 3 năm 2023.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung